

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Calcium oxide

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thương mại:** Vôi sống
- Tên khác:** Canxi oxit, Quicklime
- Công thức phân tử:** CaO
- Sử dụng:** Xử lý nước, nguyên liệu công nghiệp, điều chỉnh pH
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - Ăn mòn da – Nhóm 1A
 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng – Nhóm 1
- Từ cảnh báo: NGUY HIỂM**
- Câu cảnh báo nguy hại:**
 - H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt
 - H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
- Câu phòng ngừa:**
 - P260: Không hít phải bụi
 - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
 - P280: Đeo găng tay, kính bảo hộ
 - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

- Thành phần:** Canxi oxit
- Công thức:** CaO
- Hàm lượng:** $\geq 95\%$
- CAS:** 1305-78-8

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển ra nơi thoáng khí, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa kỹ với nước ít nhất 15 phút
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt ngay với nước nhiều lần, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Súc miệng, không gây nôn, đến cơ sở y tế

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không dễ cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Bọt, nước, CO₂
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ, quần áo bảo hộ
- Chú ý:** Khi tiếp xúc với nước, CaO sinh nhiệt mạnh → gây bỏng

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CÓ

- Ngăn ngừa cá nhân:** Tránh hít bụi, sử dụng bảo hộ
- Ngăn ngừa môi trường:** Không để rơi vãi ra đất hoặc cống rãnh
- Dọn dẹp:** Quét khô, thu gom cẩn thận, tránh thêm nước trực tiếp

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Làm nơi thông thoáng, tránh sinh bụi
- Bảo quản:** Nơi khô ráo, kín khí, tránh ẩm
- Không tương thích:** Nước, axit mạnh, vật liệu dễ cháy

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (TLV):** 2 mg/m³ (CaO)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - **Hô hấp:** Mặt nạ lọc bụi
 - **Da:** Găng tay cao su, áo chống hóa chất
 - **Mắt:** Kính bảo hộ kín
 - **Cơ thể:** Quần áo dài tay, bảo hộ toàn thân

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng bột hoặc hạt
- **Màu sắc:** Trắng hoặc xám nhạt
- **Mùi:** Không mùi
- **pH (dung dịch):** > 12
- **Nhiệt độ nóng chảy:** ~2572°C
- **Tỷ trọng:** ~3.3 g/cm³
- **Phản ứng với nước:** Sinh nhiệt mạnh, tạo Ca(OH)₂

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định trong điều kiện khô ráo
- **Phản ứng nguy hiểm:** Tỏa nhiệt mạnh khi tiếp xúc nước
- **Tránh tiếp xúc:** Axit, nước, ẩm
- **Sản phẩm phân hủy:** Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong điều kiện thường

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** Không xác định rõ
- **Gây kích ứng:** Mắt, da, đường hô hấp
- **Tác động lâu dài:** Có thể gây tổn thương mô khi tiếp xúc kéo dài

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh thái:** Tăng pH → ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh
- **Khả năng phân hủy:** Không phân hủy sinh học
- **Tích lũy sinh học:** Không tích lũy

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Chất thải:** Xử lý như chất thải nguy hại, tuân thủ quy định địa phương
- **Bao bì thải:** Làm sạch và xử lý theo quy định

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không phân loại là hàng nguy hiểm theo UN
- **Tên vận chuyển:** Calcium oxide
- **Nhóm bao gói:** III (nếu áp dụng)
- **Loại nguy hiểm:** Không phân loại

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- **Luật pháp áp dụng:** Theo quy định hóa chất Việt Nam và GHS
- **Phân loại:** Hóa chất nguy hiểm – ăn mòn

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 26/11/2025
- **Khuyến cáo:** Luôn đeo bảo hộ khi sử dụng, bảo quản nơi khô ráo
- **Tài liệu tham khảo:** Quy chuẩn GHS, TCVN 9487:2012, các quy định hiện hành
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý

- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế